

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nhữ Văn Vinh và bà Vũ Thị Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HN&GD ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn LN, xã TK, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Ngọc Đ, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn LN, xã TK, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Có mặt

Người làm chứng: Chị Lê Thùy D, sinh ngày 08/01/1997.

Hộ khẩu thường trú: LN, TK, BG, Hải Dương.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà kết hôn với ông Lê Ngọc Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu vào năm 1987.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống ở nhiều nơi cho đến năm 1995 cả gia đình chuyển về sống tại TK, BG, Hải Dương cho đến nay. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Đ nảy sinh nhiều mâu thuẫn ngay từ những năm 1987, 1988. Nguyên nhân là do ông Đ tính gia trưởng, thường xuyên áp đặt suy nghĩ, quan điểm đối với bà; hay uống rượu rồi chửi bới bà, kể cả vào ngày cuối năm, ngày tết. Đặc biệt, ông Đ hay nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người khác dù không có căn cứ nào, có lần còn cho bà vào phòng khóa lại, rồi đưa giấy yêu cầu bà phải viết rõ là ngoại tình với ai. Ngoài ra ông Đ không chịu làm ăn, kinh tế gia đình chủ yếu do bà phải gánh vác nên gặp nhiều khó khăn, cả gia đình đã từng phải đi thuê nhà ở. Do vậy, giữa bà và ông Đ thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí ông Đ còn đánh bà, có vài lần chính quyền địa phương phải vào nhà để can thiệp, hòa giải. Cuộc sống vợ chồng liên tục mâu thuẫn như vậy và kéo dài nhiều năm cho đến nay bà phải cố chịu đựng vì con cái còn nhỏ. Tuy nhiên đến thời gian khoảng 10 năm gần đây thì mâu thuẫn càng căng thẳng thêm, vợ chồng bà đã sống ly thân nhau đã được khoảng 3 năm. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể chịu đựng được thêm cuộc sống chung với ông Đ nữa, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: bà và ông Đ có hai con chung là Lê Thùy D1, sinh năm 1988 và Lê Thùy D, sinh năm 1997. Hai con đều đã thành niên, nên bà không yêu cầu gì về việc nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Ngọc Đ trình bày: Ông và bà T kết hôn như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông cho rằng ông kết hôn với bà T phần nhiều vì thương hoàn cảnh khó khăn của bà T.

Ông thừa nhận những trình bày của bà T về mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Tuy nhiên, ông giải thích lý do ông thường uống rượu, chửi bới bà T là do ông chán nản cuộc sống, tìm đến rượu để giải sầu, dẫn đến không kiềm chế được lời ăn, tiếng nói chửi bới bà T. Còn việc ông hay ghen tuông là đúng, nhưng đó là vì yêu bà T mới làm thế. Tuy nhiên, ông phản đối việc bà T cho rằng ông không đóng góp tiền về cho gia đình mà khẳng định có đóng góp. Ngoài ra, ông còn cho rằng, có sự không rõ ràng về kinh tế khi ông không biết bà T làm ra bao nhiêu tiền, còn đời sống gia đình thì có nhiều khó khăn. Ông xác định đã 3 năm nay bà T đi làm ở Hà Nội, Hải Phòng sống ở đó, chỉ thỉnh thoảng mới về qua nhà, ông cũng không biết bà T ở địa chỉ nào, cũng không thể chủ động liên lạc được với bà T mà chỉ chờ bà T nhắn tin. Ông cũng đã tìm cách nhờ cả chị gái của ông liên hệ, tác động song bà T vẫn không về sống với ông. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông đều thừa nhận mình có sai lầm trong đối xử với bà T, mong bà T tha thứ và đoàn tụ, ông không nhất trí ly hôn vì cả hai đều đã nhiều tuổi và ông vẫn còn tình cảm với bà T.

Người làm chứng là chị Lê Thùy D khai: Chị là con của ông Đ và bà T. Chị sống từ khi sinh ra cho đến nay ở thôn LN cùng bố mẹ. Từ nhỏ đến nay, chị

thường xuyên được chứng kiến cảnh bố mẹ cãi nhau, thậm chí còn xảy ra xô xát một năm thường vài lần. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là ông Đ có quan điểm sống gia trưởng, hay áp đặt quan điểm của cá nhân lên bà T, ngoài ra ông Đ còn thiếu sự tin tưởng về tình cảm với bà T, cho rằng bà T có quan hệ tình cảm với người khác, nhưng theo chị thì chắc chắn là bà T không có quan hệ tình cảm với người khác, còn ông Đ khi nghi ngờ thì cũng không đưa ra được bất cứ bằng chứng nào về việc này. Do mâu thuẫn thường xuyên như vậy, nên bà T đã nhiều lần phải về quê ở Thái Bình, hoặc ra khỏi nhà, tạm trú ở nơi khác cho đến khi mâu thuẫn tạm lắng xuống, ông Đ xin lỗi, thì bà T lại quay lại. Tuy nhiên, càng ngày mâu thuẫn càng ngày thường xuyên hơn khiến bà T không thể chịu đựng được cuộc sống chung với ông Đ nữa.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Từ khoảng năm 2014 đến nay giữa ông Đ và bà T thường xảy ra mâu thuẫn, thậm chí có lần ông Đ đánh bà T, địa phương phải vào tận nhà để hòa giải. Đã vài năm nay bà T không còn sống tại địa phương cùng ông Đ nữa, mà đi làm ăn ở nơi khác.

Tại phiên tòa, bà T và ông Đ đều nhất trí, xác nhận lời khai của chị Lê Thùy D và kết quả xác minh tại địa phương phản ánh đúng mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, tổ chức phiên tòa giải, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị T. Xử cho bà T ly hôn ông Lê Ngọc Đ.

- Về con chung, tài sản chung: Không phải giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu ly hôn của bà T:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng và tài liệu chứng cứ khác có đủ cơ sở để khẳng định: Trong quá trình chung sống, ngay từ những năm đầu của quan hệ hôn nhân, giữa ông Đ và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông Đ nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người khác, thêm vào đó ông Đ tính gia trưởng, hay uống rượu rồi chửi bới bà T. Do vậy, vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, thậm chí ông Đ còn đánh bà T, chính quyền địa phương phải vào tận nhà can ngăn, hòa giải. Tuy vậy, mâu thuẫn không được khắc phục mà kéo dài đã nhiều năm, bà T nhiều lần bỏ nhà đi nơi khác sống rồi lại trở về chung sống với ông Đ sau khi ông Đ xin lỗi, lý do trở về cũng vì con cái còn nhỏ. Tuy nhiên, cho đến thời gian những năm gần đây, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Bà T không thể chịu đựng được nữa, nên đã sống ly thân ông Đ được khoảng 3 năm nay. Do con cái đã trưởng thành, bà cũng không còn tình cảm với ông Đ nữa, nên mặc dù đã được địa phương, chị gái ông Đ và Tòa án hòa giải, nhưng đến nay bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn ông Đ. Về phía ông Đ, tuy có quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chính ông lại không thể đưa ra bất cứ biện pháp nào có khả năng thực tế để giải quyết mâu thuẫn. Như vậy, tình trạng vợ chồng bà T đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T, xử cho bà được ly hôn ông Đ.

[2] Về con chung, tài sản chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu giải quyết việc nuôi con vì cả 2 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, xử cho bà Nguyễn Thị T ly hôn ông Lê Ngọc Đ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/005362 ngày 13/6/2019. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Bà T, ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã TK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường